

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TH
TỈNH HD**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 21/3/2025

V/v: Ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TH, TỈNH HD**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hoài

Các hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Ngọc Thành và bà Bùi Thị Vân

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Xuân Bốn - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TH, tỉnh HD tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Tiến Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TH, tỉnh HD xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 255/2024/TLST-HNGĐ ngày 30/10/2024 về việc: “Ly hôn, nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 23/01/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2025/QĐST-HNGĐ ngày 25/02/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1987, (vắng mặt).

Cư trú tại: Xóm 3, thôn Đông Phan, xã Tân An, huyện TH, tỉnh HD

- Bị đơn: Anh Nguyễn Sỹ H, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Cư trú tại: Xóm 3, thôn Đông Phan, xã Tân An, huyện TH, tỉnh HD

- Người làm chứng: Bà Phạm Thị Mưa, sinh năm 1946; Cư trú tại: Thôn Đông Phan, xã Tân An, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản ghi lời khai, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bình trình bày:

Chị và anh Nguyễn Sỹ H tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân An, huyện TH, tỉnh HD ngày 21/01/2013. Sau ngày cưới, vợ chồng sống hòa thuận được thời gian khoảng hơn một năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, vợ chồng ly thân đã lâu, không quan

tâm trách nhiệm với nhau. Chị xét thấy không thể đoàn tụ vợ chồng, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Sĩ Gia B, sinh ngày 09/8/2013 và Nguyễn Sỹ T, sinh ngày 22/9/2014 hiện các con đang ở cùng anh H, chị đề nghị mỗi người nuôi 01 con, hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con nhau. Nếu các con có nguyện vọng ở cùng anh H, chị nhất trí và có trách nhiệm cấp dưỡng cho 01 con Nguyễn Sỹ T theo quy định của Pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Chị B tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Sỹ H trình bày: Anh và chị B có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TA năm 2013, vợ chồng sống hòa thuận được một thời gian sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, chị B đã nhiều lần làm đơn xin ly hôn anh nhưng lại rút đơn, vợ chồng sống không hạnh phúc. Nay chị B xin ly hôn, anh nhất trí nhưng không đến Tòa án. Về con chung: anh chị có 02 con chung, anh xin nuôi hai con, yêu cầu chị B cấp dưỡng tiền nuôi con cho con T, mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật. Anh đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng anh không đến Tòa án làm việc đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Về tài sản chung, nợ chung: anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Phạm Thị M (mẹ đẻ anh H) trình bày: Anh chị B, H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TA năm 2013, quá trình chung sống có xảy ra mâu thuẫn. Năm 2019 chị B đã làm đơn xin ly hôn nhưng sau đó rút đơn, vợ chồng về đoàn tụ nhưng vẫn xảy ra mâu thuẫn. Do mâu thuẫn đã xảy ra nhiều năm, đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật. Bà đã nhận các văn bản tố tụng và đã giao đến tay anh H. Hiện nay anh H là công nhân, sáng đi, tối về nhà sinh sống cùng nhà với bà tại thôn Đông Phan, xã Tân An, huyện TH, tỉnh HD. Về con chung: anh chị có 02 con chung hiện các cháu đang ở cùng anh H, các cháu đều có nguyện vọng xin được ở với anh H, bà nhất trí và có trách nhiệm trông nom giúp anh H.

Tại phiên tòa: Các đương sự đều đề nghị giải quyết vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TH, tỉnh HD phát biểu quan điểm: Việc chấp hành pháp luật của người tiến hành và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Bị đơn chưa chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng. Đề nghị áp dụng Điều 39 Bộ luật dân sự; Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, 227, 228, 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị B và anh Nguyễn Sỹ H, Về con chung: Giao 02 con chung là Nguyễn Sĩ Gia B, sinh ngày 09/8/2013 và Nguyễn Sỹ T, sinh ngày 22/9/2014 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng. Chị B có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con cho 01 con, mức cấp dưỡng theo quy định của

Pháp luật. Tài sản chung, nợ chung, công sức: Không giải quyết. Về án phí: Chị B phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử, nhận định:

[1] Về tố tụng: Các đương sự, người làm chứng đều đã được giao trực tiếp các văn bản tố tụng và đều đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự và người làm chứng.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị B và anh Nguyễn Sỹ H tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Tân An, huyện TH, tỉnh HD ngày 21/01/2013 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, do bất đồng quan điểm sống. Hai bên không quan tâm trách nhiệm với nhau, vợ chồng ly thân thời gian dài. Anh H không có biện pháp tích cực để cải thiện tình cảm vợ chồng, không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Chị B xin ly hôn, anh H nhất trí. Như vậy mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều khoản 1 Điều 51, Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị B. Công nhận sự thuận tình ly hôn của chị B và anh H.

[3]. Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Nguyễn Sĩ Gia B, sinh ngày 09/8/2013 và Nguyễn Sỹ T, sinh ngày 22/9/2014, anh H xin nuôi cả hai con, yêu cầu chị B cấp dưỡng tiền nuôi con cho con Toàn. Chị B đề nghị mỗi người nuôi một con, hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau, nếu các con đều xin ở cùng anh H chị cũng nhất trí và có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con Nguyễn Sỹ T, mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật. Xét thấy các con đều đã trên 07 tuổi, có nguyện vọng ở với anh Hiếu. Bà M (mẹ đẻ anh H) nhận hỗ trợ chăm sóc các cháu. Xét thấy việc giao 02 con cho anh H tiếp tục nuôi đã đảm bảo mọi quyền lợi của các con. Cần tiếp tục giao 02 con cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng. Theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao, chị B phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con T không dưới $\frac{1}{2}$ tháng lương tối thiểu vùng trong địa bàn huyện TH, tỉnh HD tại thời điểm xét xử sơ thẩm là 3.860.000đ/tháng. Như vậy mức cấp dưỡng tiền nuôi con cho cháu T là 1.930.000đ/tháng, kể từ tháng 04/2025 đến khi con thành niên 18 tuổi. Chị B được quyền thăm nom chăm sóc con chung

không ai được cản trở.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Chị B, anh H không yêu cầu giải quyết. Hội đồng xét xử không giải quyết về tài sản, nợ chung, công sức. Nếu sau này anh chị có tranh chấp về tài sản mà có đơn yêu cầu khởi kiện. Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

[5]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị B có đơn xin ly hôn, không thuộc diện được miễn giảm án phí nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí cấp dưỡng tiền nuôi con.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 51, Điều 55, 81, 82, 83, 115, 116 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị B ly hôn anh Nguyễn Sỹ H.

- Về con chung: Giao 02 con chung là là Nguyễn Sĩ Gia B, sinh ngày 09/8/2013 và Nguyễn Sỹ T, sinh ngày 22/9/2014 cho anh Nguyễn Sỹ H tiếp tục nuôi dưỡng. Chị B cấp dưỡng tiền nuôi con Nguyễn Sỹ T cho anh H số tiền 1.930.000/tháng kể từ tháng 4/2025 đến khi con thành niên đủ 18 tuổi. Anh H được quyền thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành không thi hành số tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo khoản 2 Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự;

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị B phải chịu 300.000^d án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000^d án phí cấp dưỡng tiền nuôi con nhưng được trừ vào số tiền 300.000^d theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án BLTU/23, số 0005933 ngày 24/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TH, tỉnh HD. Chị B còn phải nộp tiếp số tiền 300.000^d án phí cấp dưỡng nuôi con.

- Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo các quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện TH;
- Chi cục THADS huyện TH;
- UBND xã TA;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Hoài

